

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 3 - 2023

"V/v ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thìn

Bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2023/TLST - HNGĐ ngày 06/01/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST - HNGĐ ngày 28/02/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị N, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Trung K, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Bà Trần Thị S, sinh năm: 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và lời khai của chị Vũ Thị N trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh Nguyễn Trung K kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H năm 2020. Sau ngày cưới vợ chồng về sống cùng mẹ anh K tại thôn T, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống cùng nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không thống nhất làm ăn kinh tế, kinh tế vợ chồng có nhiều khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau. Tháng 10/2021, do vợ chồng xác định không thể sống cùng nhau nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960 (Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương) sinh sống; kể từ đó vợ chồng chị sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Đến nay chị xác định vợ chồng không thể sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh K không có con chung, hiện nay chị không có thai nên chị tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Chị và anh K không có tài sản chung nên chị tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Về vay nợ: Vợ chồng chị không nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp: Vợ chồng chị không có ruộng nông nghiệp nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức và các vấn đề khác: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị S (mẹ đẻ anh K) trình bày: Bà xác định anh K và chị N là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2020. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng bà tại thôn T, xã H. Do anh chị lấy nhau nhưng mãi không có con mặc dù đã đi chữa trị nhiều nơi, khiến cho tinh thần anh chị đều mệt mỏi, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà không biết anh chị có cãi nhau hay không nhưng từ tháng 10 năm 2021, chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Kể từ đó, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Đến nay chị N làm đơn ly hôn anh K, bà đã thông báo cho anh K các văn bản gồm Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án, nhưng do bận công việc nên anh K không đến Tòa án giải quyết được. Anh K có trao đổi với bà, anh K xác định anh chị không thể về chung sống cùng nhau được nữa, mâu thuẫn giữa anh chị không hàn gắn được nên anh K nhất trí quan điểm của chị N và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn; anh chị không có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ, không có công sức gì với hai bên gia đình nên anh K tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà không liên quan gì đến kinh tế của anh chị nên bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K hiện đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về; anh K hiện sống cùng nhà với bà, bà sẽ thay anh K nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết sẽ giao lại cho anh K. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bà Nguyễn Thị Đ (là mẹ đẻ chị N) trình bày: Bà xác định chị N và anh K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2020. Sau ngày cưới anh chị về sống tại nhà đất của mẹ anh K tại thôn Vân Dương, xã H. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không quan tâm tới chị N, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên kinh tế vợ chồng có nhiều khó khăn. Khoảng tháng 10 năm 2021, chị N bỏ về nhà bà ở thôn Đ, xã L, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương sinh sống. Kể từ đó vợ chồng anh chị sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Gia đình bà đã hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không cải thiện được tình cảm, anh K có sang nhà bà một vài lần để trao đổi về việc mong muốn chị N về đoàn tụ nhưng chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết không quay về sống cùng anh K. Kể từ đó cho đến nay đã hơn 01 năm, anh chị không sống cùng nhau, không liên lạc, không quan tâm đến nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh K. Về con chung: Chị N và anh K không có con chung. Bà xác định bà không liên quan gì đến vợ chồng anh chị về kinh tế; bà không cho anh chị vay cũng như anh chị không cho bà vay nợ gì nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị cũng không có công sức đóng góp gì với gia đình bà nên bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh K nhiều lần tuy nhiên anh K không đến Tòa án làm việc, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh K. Tại phiên họp tiếp cận chứng cứ công khai chứng cứ và hòa giải; anh K mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn. Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; hiện nay chị không có thai. Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M trình bày quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh K. Về con chung: Chị N và anh K không có con chung nên anh chị tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên không phải giải quyết. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do chị N, anh K tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Vũ Thị N và bị đơn là anh Nguyễn Trung K là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Chị N khởi kiện xin ly hôn anh K, anh K có nơi cư trú tại thôn T, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của nguyên đơn là chị N, người làm chứng là bà S, bà Đ cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, nên có đủ căn cứ xác định chị N và anh K đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H năm 2020 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, chị N khởi kiện ly hôn đối với anh K sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh K đến Tòa án để lấy lời khai cũng như hòa giải nhưng anh K không đến nên việc hòa giải giữa vợ chồng anh chị không tiến hành được. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị N xác định quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không thống nhất làm ăn kinh tế, kinh tế vợ chồng có nhiều khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau. Tại biên bản lấy lời khai của bà S (là mẹ đẻ của anh K), bà Đ (là mẹ đẻ của chị N) đều xác định gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng

anh chị không cải thiện được tình cảm, mẫu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, hiện nay anh K chị N sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tất cả những tình tiết này đã phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị, tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Tòa án sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N; giải quyết cho chị N và anh K ly hôn là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của anh chị.

[2.2]. Về con chung: Chị N, anh K không có con chung chị N tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, anh K không đến Tòa án làm việc; chị N tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Sau này, nếu anh K có yêu cầu thì giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

Về con chung, về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

Án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013240 ngày 06/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Chị N đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- Phòng KTNV & THS TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Dương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ OANH

